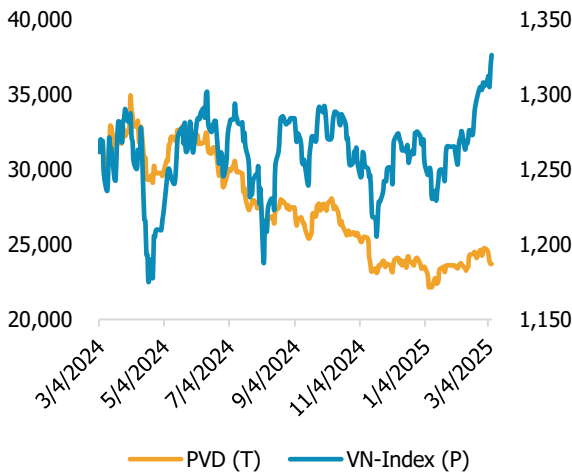


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (HOSE: PVD)
Ngành DẦU KHÍ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TỪ ĐẦU TƯ GIÀN KHOAN MỚI

Chỉ tiêu chính (tỷ đồng)	2024	2025F
Doanh thu thuần	9,288	9,487
Lợi nhuận gộp	1,741	2,074
EBITDA	2,063	2,274
LN ròng	694	860
Biên EBITDA	22.21%	23.97%
EPS (VND)	1,251	1,543
BVPS (VND)	28,403	30,000
ROE	4.29%	5.08%
ROA	2.93%	3.44%

Kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt trong năm 2024. PVD ghi nhận lần lượt 9,288 tỷ đồng (+60.0% YoY) doanh thu thuần và 694.4 tỷ đồng (+27.2% YoY) lợi nhuận ròng trong năm 2024. Chủ yếu đến từ (1) Tăng trưởng đơn giá cho thuê giàn khoan (đạt mức trung bình 98,000 USD/ngày so với mức 86,000 USD/ngày) và hiệu suất các giàn khoan JU đạt 100%; (2) Hai giàn khoan thuê ngoài để hoạt động tại Việt Nam tạo ra không chỉ doanh thu từ dịch vụ khoan mà còn mang đến doanh thu tại mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, bán hàng hóa khí các giàn khoan này nằm rất gần trụ sở của PVD tại tỉnh Vũng Tàu.

Diễn biến giá cổ phiếu


Nhu cầu giàn khoan vẫn được duy trì do các chiến dịch khoan dầu tiếp tục được triển khai. Theo S&P Global, nhu cầu giàn khoan JU toàn cầu sẽ tiếp tục ổn định trong khoảng từ 350 – 380 giàn trong năm 2025, sau đó tăng lên 390 giàn trong năm 2026. Tại khu vực Đông Nam Á, nhu cầu giàn khoan JU trong năm 2025 sẽ dao động từ 35 – 40 giàn và tiếp tục duy trì ở mức khoảng 40 giàn trong năm 2026. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng nhu cầu thăm dò và khai thác ở Đông Nam Á vẫn ổn định, đặc biệt là ở Malaysia, Indonesia, Việt Nam và Thái Lan trong giai đoạn 2025 – 2026.

Giá cho thuê giàn khoan trong khu vực vẫn ở mức cao. Theo S&P Global, giá thuê giàn khoan đã giảm dần kể từ quý 4/2024 nhưng vẫn duy trì ở mức cao trong khoảng 90,000 – 140,000 USD/ngày. Chúng tôi giả định nhu cầu tại Đông Nam Á và giá thuê ngày sẽ đạt đỉnh vào khoảng giữa giai đoạn 2026-2027 và dần quay trở lại mức bình thường từ năm 2028.

Danh sách cổ đông (cập nhật đến 07/03/2025)

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.4%
CTBC Vietnam Equity Fund	5.0%
PYN Elite Fund	5.0%
Deutsche Bank, London branch	3.7%
Ngân hàng Deutsche Aktiengesellschaft	2.9%

Kỳ vọng tối đa hoá hiệu suất các giàn khoan. Các giàn khoan của PVD đều đã có việc làm tới hết 2025 (trừ giàn 11), một số giàn khoan đã có việc trong dài hạn. Lợi thế cạnh tranh về độ tuổi trung bình các giàn khoan kỳ vọng sẽ giúp PVD thu hút được nhiều hợp đồng từ các dự án nội địa và quốc tế. Ngoài ra, PVD cũng đã bổ sung một giàn khoan mới – PVD VIII vào đội giàn của mình. Dự kiến giàn khoan này sẽ đi vào hoạt động kể từ tháng 8/2025.

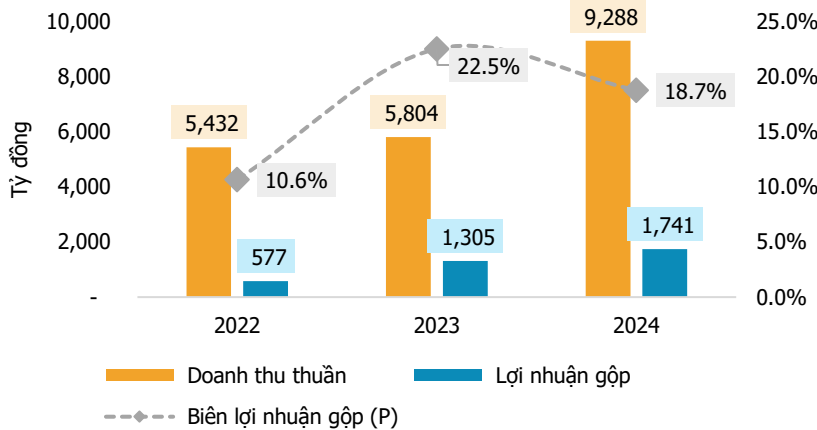
CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH
Nguyễn Minh Quang
quangnm@psi.vn
Định giá

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD, giá mục tiêu 12 tháng là **30,900 đồng/cổ phiếu**.

1. Cập nhật KQKD quý 4/2024

Doanh thu tăng trưởng tốt trong năm 2024. PVD ghi nhận 9,288 tỷ đồng doanh thu thuần trong năm 2024 (+60.0% YoY), trong đó mảng cung cấp dịch vụ khoan là mảng kinh doanh mang lại doanh thu cao nhất, với doanh thu đạt 5,602 tỷ đồng (+38.8% YoY), chiếm hơn 60% tổng doanh thu. Doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và bán hàng hóa trong kỳ đạt lần lượt 2,433 tỷ đồng và 1,201 tỷ đồng, tăng 0.5 và 6.8 lần so với năm ngoái. PVD hoàn thành 150% kế hoạch doanh thu cả năm 2024. Nhìn chung, trong 3 năm gần nhất thì năm 2024 là thời điểm PVD ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu cao nhất, nguyên nhân chủ yếu đến từ (1) Tăng trưởng đơn giá cho thuê giàn khoan (đạt mức trung bình 98,000 USD/ngày so với mức 86,000 USD/ngày) và hiệu suất các giàn khoan JU đạt 100%; (2) Hai giàn khoan thuê ngoài để hoạt động tại Việt Nam không chỉ đem lại doanh thu ở mảng dịch vụ khoan mà còn tạo ra thêm doanh thu tại mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, bán hàng hóa khi các giàn khoan này nằm rất gần trụ sở của PVD tại tỉnh Vũng Tàu.

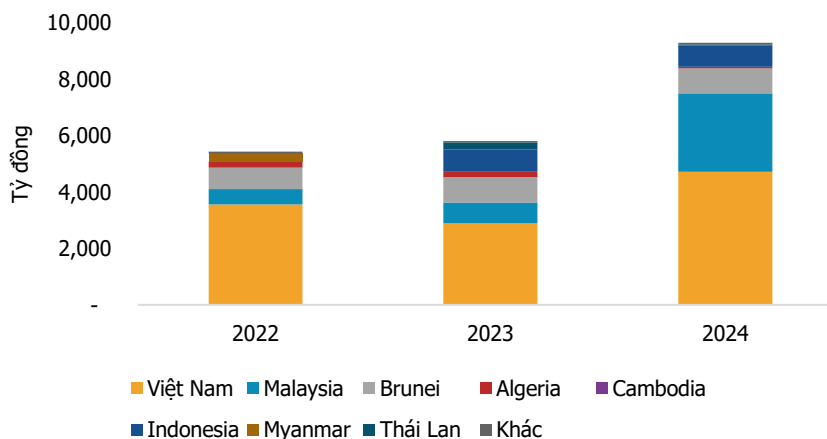
Kết quả kinh doanh PVD



Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

Khi phân tách theo thị trường hoạt động, doanh thu thị trường trong nước cả năm 2024 đạt 4,722 tỷ đồng (+63.7% YoY), chiếm 51.1% tổng doanh thu. Thị trường Malaysia đạt 2,777 tỷ đồng (273.7% YoY), chiếm 30% tổng doanh thu. Thị trường Algeria giảm mạnh 73% với chỉ 59 tỷ đồng. Thị trường Brunei giảm nhẹ 2% khi đạt 879 tỷ đồng. Thị trường Indonesia cũng giảm nhẹ 0.8% khi đạt 763 tỷ đồng.

Doanh thu theo khu vực của PVD

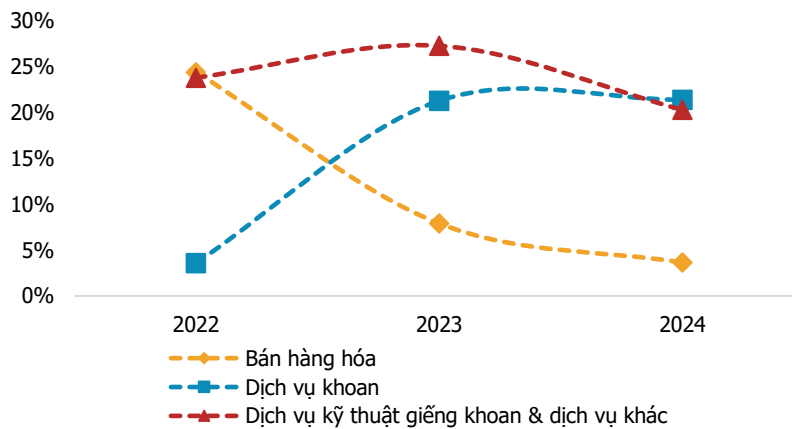


Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

Biên lợi nhuận gộp giảm sút. Mặc dù ghi nhận sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận gộp nhưng công ty lại ghi nhận sự sụt giảm về biên lợi nhuận gộp trong năm 2024, theo đó, biên lợi nhuận gộp cả năm của PVD đạt 18.7% (năm 2023 đạt 22.5%), giá vốn tăng 67.8% YoY, nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu. Mảng hoạt động chính của PVD là dịch vụ khoan vẫn tiếp tục duy trì được biên lợi

nhuận tốt, đạt mức 21.3%, tăng so với mức 21.2% ở cùng kỳ năm trước. Ngược lại, mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và bán hàng hóa dù đem về doanh thu cao hơn năm 2023 nhưng lại chỉ tạo ra biên lợi nhuận lần lượt là 20.2% và 3.6%.

Biên LN gộp các mảng hoạt động của PVD



Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

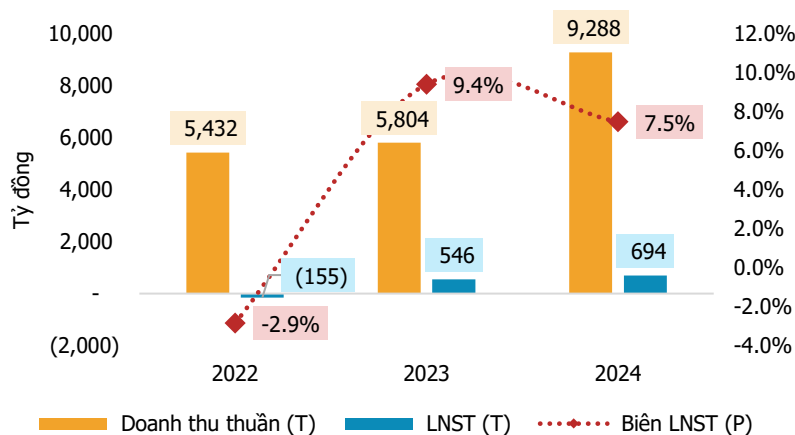
Có thể thấy biên lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ khoan đã được cải thiện so với 2 năm gần nhất, phù hợp với diễn biến của thị trường khoan dầu khí khi mà giá thuê ngày tăng cao và đạt đỉnh trong khoảng cuối quý 3/2024. Ngược lại, mảng bán hàng hóa vẫn đang tiếp tục suy giảm từ mức cao 24.3% trong năm 2022 xuống chỉ còn 3.6% trong năm 2024.

Các chi phí SG&A phát sinh tăng nhưng không đáng ngại. Năm 2024, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng (SG&A) đạt 631 tỷ đồng (+15.5% YoY), nhưng tỷ trọng trên doanh thu giảm còn 6.8%, trong 2 năm gần nhất, tỷ trọng hai loại chi phí này trên doanh thu duy trì ở mức 9.4%.

Chi phí tài chính không có nhiều biến động. Chi phí tài chính trong năm 2024 ghi nhận 396.5 tỷ đồng (+1.14% YoY), trong đó, chi phí lãi vay đạt 237.8 tỷ đồng, giảm 5.1% YoY, do LIBOR giảm. Về phần chênh lệch tỷ giá, mức lỗ tỷ giá trong năm 2024 là hơn 151.1 tỷ đồng (+7.6% YoY) do tỷ giá tăng cao hơn 2 năm trước, đặc biệt là trong khoảng 5 tháng đầu năm và 3 tháng cuối năm 2024. PVD ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 914.4 tỷ đồng (+61.2% YoY), biên lợi nhuận từ HĐKD đạt 9.8%.

Lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 694.4 tỷ đồng, tăng 27.2% so với cùng kỳ 2023. Biên lợi nhuận ròng đạt 7.48%, giảm so với mức 9.41% ở năm 2023 do chi phí thuế thu nhập trong kỳ cao hơn do mức thuế phải nộp tăng lên so với năm trước. Năm 2022, LNST của PVD âm do giảm mạnh các khoản lợi nhuận từ các dịch vụ liên quan đến khoan và lợi nhuận từ các công ty liên doanh. Bên cạnh đó, chi phí tài chính tăng mạnh do tỷ giá đồng USD tăng, cũng như biến động lãi suất Libor làm tăng chi phí lãi vay.

Doanh thu thuần và LNST PVD



Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

2. Tình hình tài chính

Tổng tài sản PVD đạt 23,718 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024, tăng mạnh so với thời điểm đầu năm (+9.6% YTD). Trong đó tài sản dài hạn chiếm 66.8%, đạt 15,840.8 tỷ đồng.

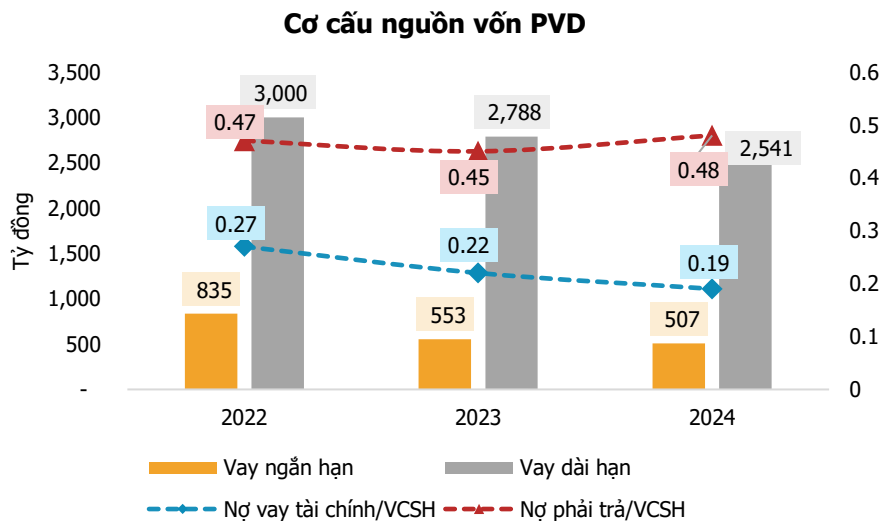
Các khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu là phải thu ngắn hạn khách hàng, với số dư 3,567 tỷ đồng, chiếm 15.04% tổng tài sản. Doanh thu trong năm 2024 tăng trưởng cao và phải thu khách hàng cũng đạt mức tăng 54.2% so với cuối năm 2023. Vòng quay khoản phải thu tăng trong năm vừa qua lên 4.2 lần (năm 2023: 3.4 lần) cho thấy khả năng thu hồi công nợ đang cải thiện so với những năm trước.

Khoản mục tài sản dở dang dài hạn tăng đột biến. Tính đến cuối năm 2024, PVD phát sinh tăng khoản mục tài sản dở dang dài hạn do công ty thực hiện mua sắm giàn khoan West Prospero. Việc mua giàn khoan mới đã nằm trong kế hoạch đầu tư, mua sắm mới được ĐHCĐ thông qua từ đầu năm 2024.

Phải trả nhà cung cấp tăng hơn 100%. PVD đang phải chịu nghĩa vụ thanh toán với nhà cung cấp với số tiền hơn 1,170 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024, tăng 105.6% so với thời điểm đầu năm 2024. Trong đó, Baker Hughes và Borr Jack-up XXXII INC là hai đối tượng mà PVD đang chịu nghĩa vụ phải trả lớn nhất với số tiền lần lượt hơn 172 và 132 tỷ đồng. Ngoài ra có hơn 865 tỷ đồng là phải trả cho các đối tượng khác (không được thuyết minh cụ thể).

Chi phí phải trả ngắn hạn tăng cao. PVD ghi nhận chi phí phải trả ngắn hạn đạt 1,140 tỷ đồng, tăng 62.6% so với đầu năm 2024. Chủ yếu là các chi phí liên quan đến hoạt động các giàn khoan và chi phí lãi vay.

Tổng số dư của các khoản vay tài chính của PVD hiện đạt khoảng 3,048.7 tỷ đồng, giảm 8.8% so với đầu năm, trong đó chủ yếu là vay dài hạn (2,541 tỷ đồng). Các khoản vay của PVD là vay ngân hàng, nhằm tài trợ cho các tài sản dài hạn. Tỷ lệ nợ vay tài chính/VCSH năm 2024 của PVD đạt 0.19 (năm 2023: 0.22).

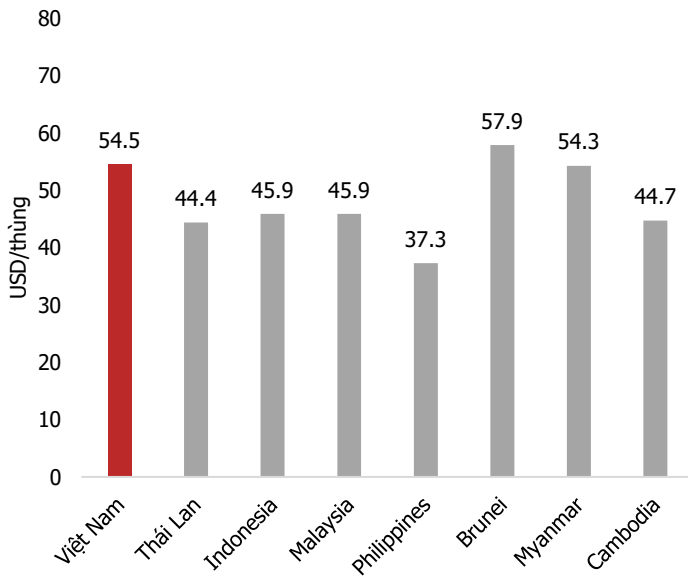


Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

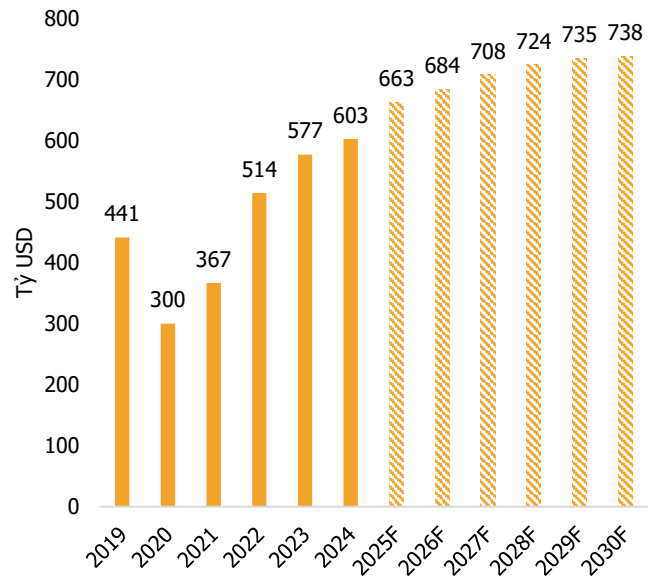
3. Triển vọng ngành khoan dầu khí

Giá dầu sẽ dao động quanh mức 70 – 80 USD/thùng trong năm 2025. Theo đó, sản lượng dầu cao hơn cùng với nhu cầu dầu thấp hơn tại Trung Quốc và Châu Âu khi nền kinh tế yếu đi có thể tác động tiêu cực đến giá dầu. Tuy nhiên, nhiều tổ chức trên thế giới dự báo giá dầu năm sẽ ở trong khoảng từ 70 -80 USD/thùng trong năm 2025. Chúng tôi cho rằng mức giá này vẫn sẽ là hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động của các dự án khai thác dầu khí, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á khi điểm hoà vốn của các dự án trong khu vực này chỉ trong khoảng 50 – 60 USD/thùng.

Điểm hòa vốn tại một số quốc gia



Giá trị đầu tư E&P dầu khí toàn cầu

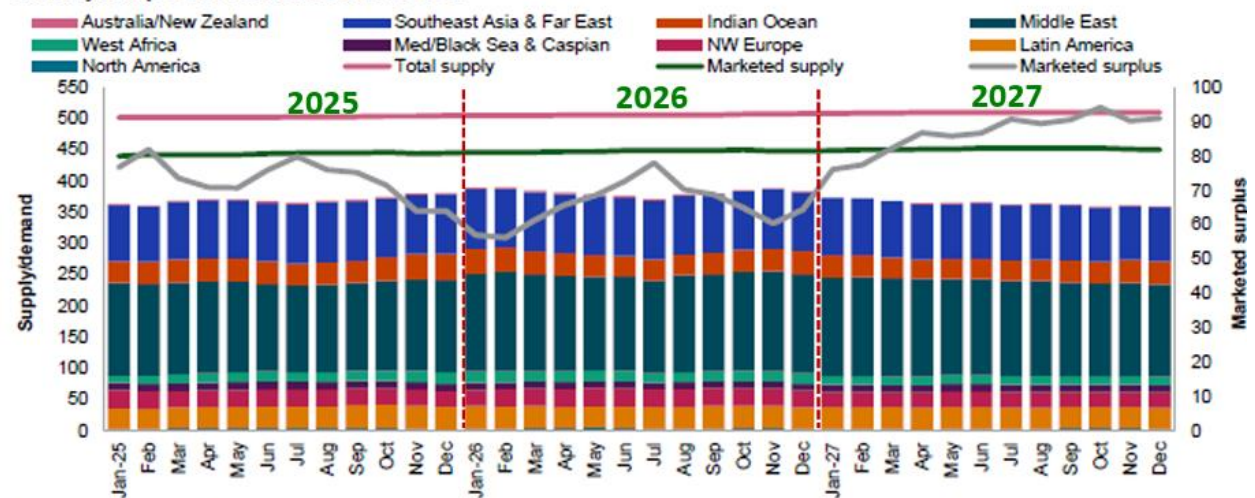


Nguồn: S&P Global, PSI tổng hợp

Theo S&P Global, đầu tư lĩnh vực thượng nguồn dầu khí có thể đạt mức 663 tỷ USD trong năm 2025, qua đó đảm bảo nguồn công việc cho các doanh nghiệp thượng nguồn dầu khí toàn cầu. Do đó, chúng tôi cho rằng triển vọng ngành khoan dầu ngoài khơi sẽ ổn định trong trung hạn (1-2 năm), với triển vọng dài hạn còn nhiều nghi vấn do bối cảnh nhu cầu dầu khí. Cũng theo dữ liệu từ S&P Global, nhu cầu giàn khoan JU toàn cầu sẽ tiếp tục ổn định trong khoảng từ 350 – 380 giàn trong năm 2025, sau đó tăng lên 390 giàn trong năm 2026.

Dự báo thị trường giàn khoan tự nâng thế giới 2025 - 2027

Global jackup forecast demand 2025-2027

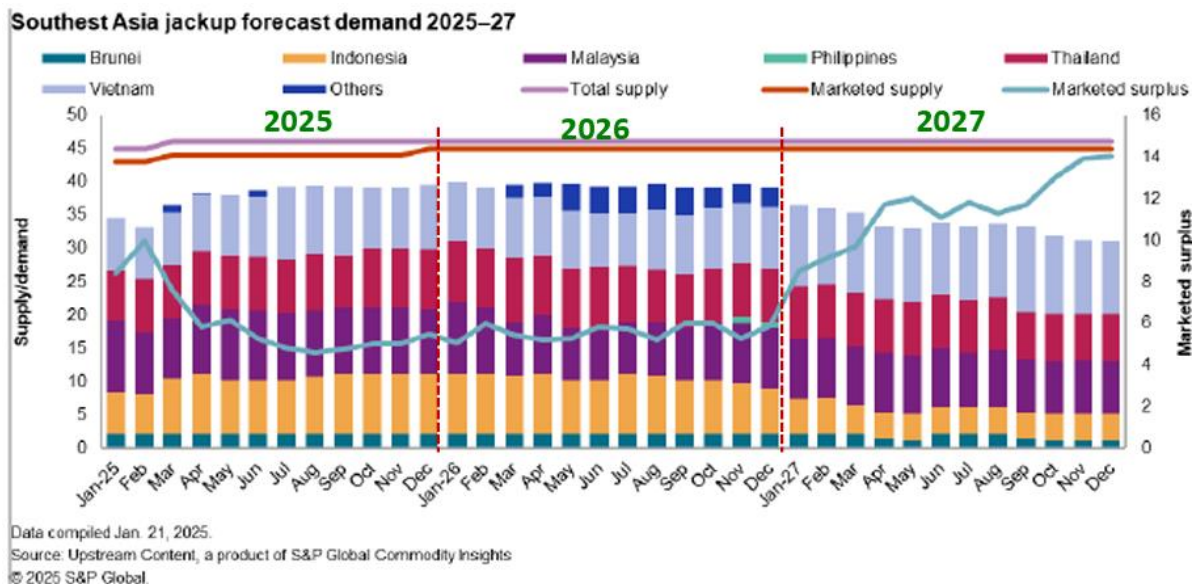


Data compiled Jan. 22, 2025.
Source: Upstream Content, a product of S&P Global Commodity Insights.
© 2025 S&P Global.

Nguồn: S&P Global, PSI tổng hợp

Tại khu vực Đông Nam Á, nhu cầu thăm dò và khai thác ở Đông Nam Á vẫn ổn định trong giai đoạn 2025-2026. Theo đó, nhu cầu giàn khoan JU trong năm 2025 sẽ dao động từ 35 – 40 giàn và tiếp tục duy trì ở mức khoảng 40 giàn trong năm 2026. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng nhu cầu thăm dò và khai thác ở Đông Nam Á vẫn ổn định, đặc biệt là ở Malaysia, Indonesia, Việt Nam và Thái Lan trong giai đoạn 2025 – 2026.

Dự báo thị trường giàn khoan tự nâng Đông Nam Á 2025 - 2027



Nguồn: S&P Global, PSI tổng hợp

Giá cho thuê giàn khoan duy trì ở mức cao. Theo S&P Global, giá thuê giàn khoan đã giảm dần kể từ quý 4/2024 nhưng vẫn duy trì ở mức cao trong khoảng 90,000 – 140,000 USD/ngày (thấp hơn mức 120,000 – 170,000 USD/ngày ở giai đoạn trước). Theo đó, chúng tôi giả định nhu cầu tại Đông Nam Á và giá thuê ngày sẽ đạt đỉnh vào khoảng giữa giai đoạn 2026-2027 và dần quay trở lại mức bình thường từ năm 2028.

Region	Category	Low	High
US Gulf of Mexico	Floater – high-spec ultra-deepwater	450,000	600,000
	Floater – ultra-deepwater	300,000	450,000
South America	Floater – high-spec ultra-deepwater	450,000	490,000
	Floater – ultra-deepwater	350,000	450,000
	Jackup - Premium	130,000	180,000
West Africa	Floater – high-spec ultra-deepwater	450,000	480,000
	Floater – ultra-deepwater	350,000	450,000
	Jackup – high-spec	130,000	150,000
	Jackup - premium	115,000	140,000
	Jackup - standard	100,000	135,000
	UK JU harsh high-spec	120,000	150,000
Northwest Europe	NOR JU harsh high-spec	200,000	250,000
	UK floater harsh standard	190,000	200,000
	UK floater harsh high-spec	200,000	280,000
	NOR floater harsh high-spec	300,000	350,000
	NOR floater harsh deepwater	420,000	500,000
	Floater – high-spec ultra-deepwater	350,000	450,000
Mediterranean	Jackup - premium	125,000	150,000
	Jackup – high-spec	140,000	180,000
	Jackup - premium	85,000	130,000
Middle East Gulf	Jackup - premium	80,000	110,000
	Jackup - standard	80,000	110,000
	Floater – ultra-deepwater	280,000	350,000
Indian Ocean	Jackup - premium	75,000	105,000
	Jackup - standard	70,000	95,000
	Tender rigs	80,000	95,000
Southeast Asia	Jackup – high-spec	105,000	140,000
	Jackup - premium	90,000	135,000
	Jackup - standard	85,000	110,000
Australia/New Zealand	Floater - deepwater	340,000	380,000
	Jackup – high-spec	140,000	180,000
Worldwide	Floater – high-spec ultra-deepwater	430,000	490,000
	Floater – ultra-deepwater	300,000	450,000
	Jackup – high-spec	140,000	160,000
	Jackup - premium	90,000	140,000

As of Jan. 24, 2025.
Source: Upstream Content, a product of S&P Global Commodity Insights.
© 2025 S&P Global.

Disclaimer: Estimates for current estimated market ranges are presented in good faith based on our best understanding of the market at the time.

Nguồn: S&P Global, PSI tổng hợp

4. Triển vọng doanh nghiệp

Kỳ vọng tối đa hiệu suất các giàn khoan. Các giàn Jack-up I, II, III, VI của PVD đã có việc làm tới hết 2025 và được các đối tác ngõ ý ký hợp đồng thuê dài hạn. Gần đây, giàn PVD II đã gia hạn hợp đồng với khách hàng Pertamina, tiếp tục phục vụ chiến dịch khoan dự kiến kéo dài tới hết 2028. Trong khi đó, giàn TAD (PVD V) đang trong hợp đồng khoan dài hạn 6 năm. Theo đó, với tuổi đời trung bình các giàn khoan chỉ ở mức 15 năm, còn khá trẻ so với nhiều giàn khoan khác trên toàn cầu, PVD tạo ra lợi thế cạnh tranh giúp các giàn khoan thu hút được nhiều dự án khoan dầu nội địa và quốc tế trong tương lai.

Công ty cũng đã bổ sung thêm một giàn khoan tự nâng, PVD VIII, vào đội giàn của mình trong năm 2024. Giàn khoan mới đang được kích hoạt lại và dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động từ tháng 8/2025. PVD đã mua giàn khoan cũ này từ công ty khoan giàn ngoài khơi Seadrill vào tháng 12/2024 với giá 45 triệu USD, chi phí bổ sung để kích hoạt giàn mới này có thể là 10-15 triệu USD.

Việc làm các giàn khoan PVD trong năm 2025

Giàn khoan	2025											
	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
PV DRILLING I	Petronas - Malaysia											
PV DRILLING II	Pertamina - Indonesia											
PV DRILLING III	Hibicus - Malaysia			Pertamina - Indonesia								
PV DRILLING VI	Petronas - Malaysia											
Landrig 11	Stacked											
PV DRILLING V	BSP - Brunei											
HAKURYU-11 (giàn khoan thuê)	Pertamina - Indonesia											
BORR-THOR (giàn khoan thuê)				HLHV TGT (Việt Nam)								

Nguồn: PVD, PSI tổng hợp

Nhìn chung, so với cập nhật lần trước của chúng tôi, PVD đã đảm bảo thêm khối lượng công việc và giảm đáng kể rủi ro bị ảnh hưởng bởi suy thoái ngành. Chúng tôi duy trì quan điểm nhu cầu ngành sẽ đạt đỉnh vào cuối năm 2026 theo dữ liệu từ S&P Global, đồng thời, chúng tôi giảm giá định về giá cho thuê ngày trong giai đoạn từ 2026 - 2027 trở đi do PVD đã khóa các hợp đồng dài hạn.

5. Rủi ro

Mặc dù vậy, PVD vẫn sẽ gặp một số thách thức như:

- (i) Các dự án trong nước như dự án Lô B – Ô Môn chậm tiến độ, trì hoãn khâu thăm dò, khai thác, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của PVD;
- (ii) Giá dầu tiếp tục giảm, ảnh hưởng tới các dự án dầu khí thế giới và trong khu vực Đông Nam Á và làm giảm nhu cầu giàn khoan, tác động trực tiếp tới giá thuê giàn.

6. Định giá

Với những tiềm năng từ các dự án thượng nguồn trong Đông Nam Á và Lô B – Ô Môn, Nam Du U Minh cùng các dự án khác trong nước khác, chúng tôi dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVD sẽ đạt lần lượt **9,487 tỷ đồng (+2.1% YoY)** và **860 tỷ đồng (+23.9% YoY)** trong năm 2025. Sử dụng phương pháp hệ số so sánh và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu PVD ở mức **30,900 đồng/cp**.

Phương pháp	Tỷ trọng	Giá trị
P/E	33.3%	26,518
P/B	33.3%	42,605
FCFF	33.3%	24,528
Giá mục tiêu		30,900

Dựa trên những luận điểm đầu tư, phân tích rủi ro và các phương pháp định lượng. **Chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 12 tháng là 30,900 đồng/cp, ứng với mức tăng 30.4% so với giá đóng cửa ngày 07/03/2025.**

Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh (tỷ VND)	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	5,804	9,288	9,487
Giá vốn hàng bán	4,499	7,547	7,413
Lợi nhuận gộp	1,305	1,741	2,074
Doanh thu hoạt động tài chính	134	152	175
Chi phí tài chính	392	396	368
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	66	49	51
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	547	631	820
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	567	914	1,112
Lợi nhuận khác	91	18	35
Lợi nhuận trước thuế	658	932	1,147
Lợi nhuận sau thuế	546	694	860
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	585	696	859

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2023	2024	2025F
Tài sản ngắn hạn	6,954	7,878	9,533
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn	3,534	2,974	4,307
Các khoản phải thu	2,163	2,314	3,568
Hàng tồn kho	1,000	1,209	1,450
Tài sản ngắn hạn khác	79	128	131
Tài sản dài hạn	14,696	15,841	15,482
Các khoản phải thu dài hạn	104	315	322
Tài sản cố định	13,115	12,861	12,304
Đầu tư tài chính dài hạn	666	682	733
Tài sản dài hạn khác	804	766	784
Tổng tài sản	21,650	23,719	25,014
Nợ phải trả	6,756	7,669	8,075
Nợ ngắn hạn	3,176	4,231	4,872
Nợ dài hạn	3,580	3,438	3,203
Vốn chủ sở hữu	14,894	16,049	16,939
Vốn điều lệ	5,563	5,563	5,563
Thặng dư vốn cổ phần	2,434	2,434	2,434
Lợi nhuận giữ lại	691	1,021	1,863
Nguồn vốn khác	5,968	6,783	6,828
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	237	249	250
Tổng nguồn vốn	21,650	23,719	25,014

Chỉ số chính	2023	2024	2025F
Định giá			
EPS (VND)	902	1,251	1,543
BVPS (VND)	26,347	28,403	30,000
Khả năng sinh lời		18.74%	21.86%
Biên lợi nhuận gộp	22.38%	22.21%	23.97%
Biên EBITDA	30.36%	10.04%	12.09%
Biên LNTT	11.30%	4.29%	5.08%
ROE	3.65%	2.93%	3.44%
ROA	2.50%		
Tăng trưởng		33.35%	19.13%
Lợi nhuận gộp	125.24%	27.19%	23.86%
Lợi nhuận sau thuế	9.30%	18.98%	23.39%
EPS	-	9.64%	5.46%
Tổng tài sản	4.57%	7.73%	5.54%
VCSH	5.79%		
Thanh khoản		1.86	1.96
Thanh toán hiện hành	2.19	1.55	1.63
Thanh toán nhanh	1.85	0.13	0.12
Nợ/tài sản	0.15	0.19	0.17
Nợ/VCSH	0.22	4.92	6.49
Khả năng thanh toán lãi vay	3.62	1,251	1,543



LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6789

Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp.

Vũng Tàu

Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26

Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,

Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 9338

Fax: (84-511) 389 9339

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.